TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 264/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh L, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 385/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 08/9/2008 cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Nguyễn Thị Nguyên T sinh ngày 11/9/2002 không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ *(một trăm năm chục ngàn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0009314 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Bà N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ *(một trăm năm chục ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *(nay là UBND xã Vĩnh Xuân, tỉnh Vĩnh Long; Giấy CNKH số 18, ngày 25/01/2002);*
- Lưu VP; hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Luân